CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Sunshine

Ngày 30/06/2025	65,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.5%	**-2.0%**	**61.6%**

DT thuần
Q2/25
235
tỷ VNĐ
QoQ: ▼179| -43.2%
YoY: ▼542| -69.8%

LN thuần
Q2/25
77.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 17.1| 28.3%
YoY: ▼175| -69.3%

LN sau thuế
Q2/25
41.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.90| -2.2%
YoY: ▼158| -79.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
31.3%
YoY: +/-▲ 14.3%

ROE (TTM)
Q2/25
3.4%
YoY: +/-▼ 1.8%

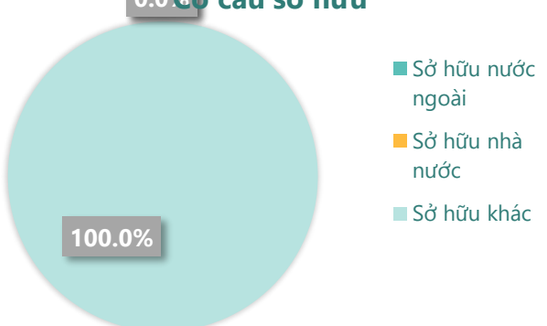
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	39,800 - 76,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	19,590
Số lượng CPLH (CP)	300,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	34,035
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.06
EPS	789
P/E	82.7

DT thuần
6T 2025
649
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,360| -67.7%

LN thuần
6T 2025
138
tỷ VNĐ
YoY: ▼590| -81.0%

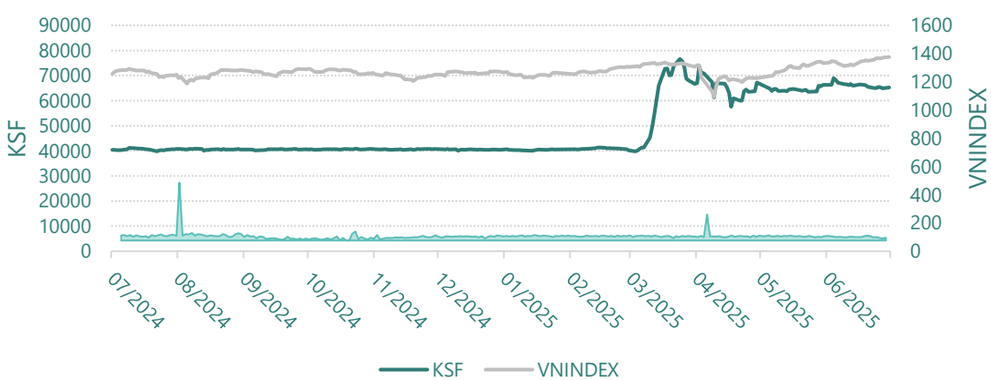
LN sau thuế
6T 2025
82.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼498| -85.7%

Cơ cấu sở hữu

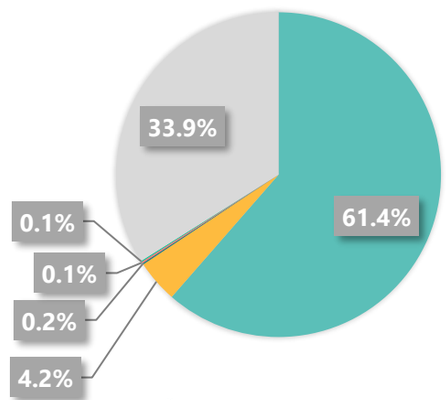


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



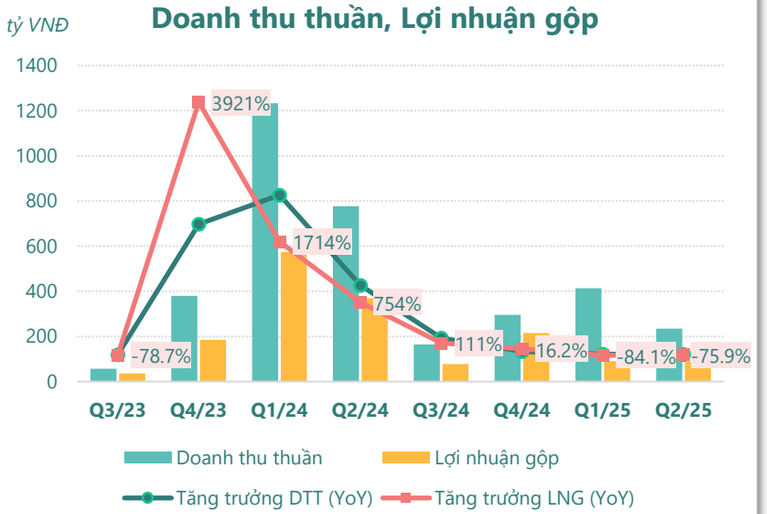
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

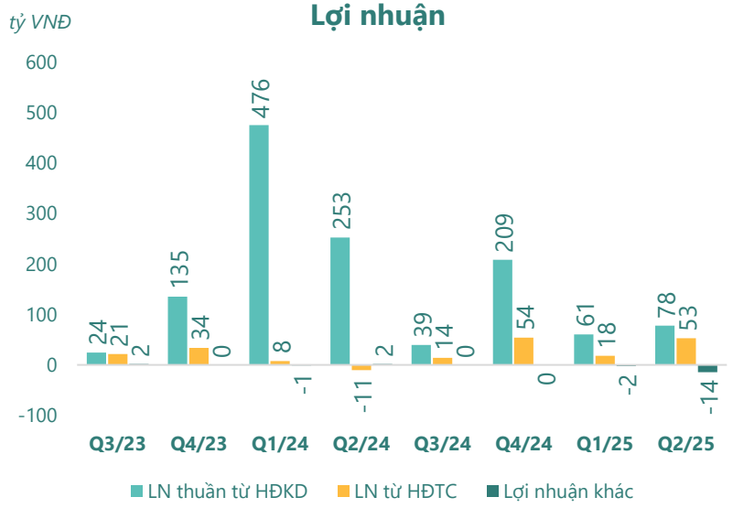
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



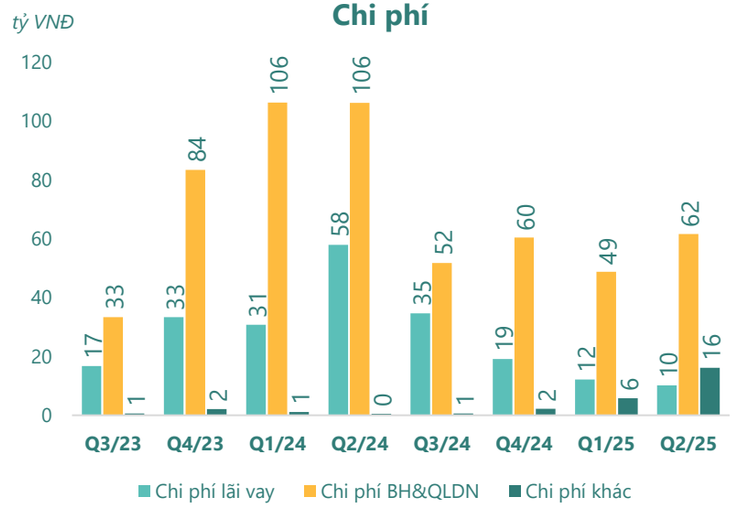
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



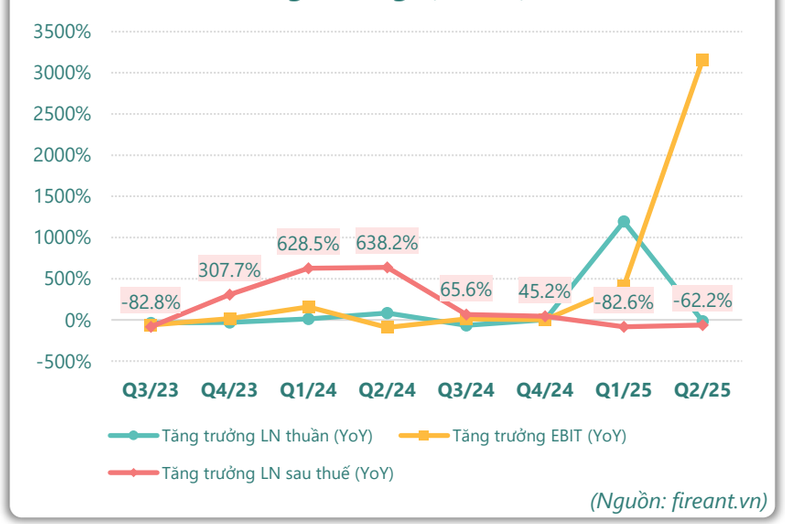
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



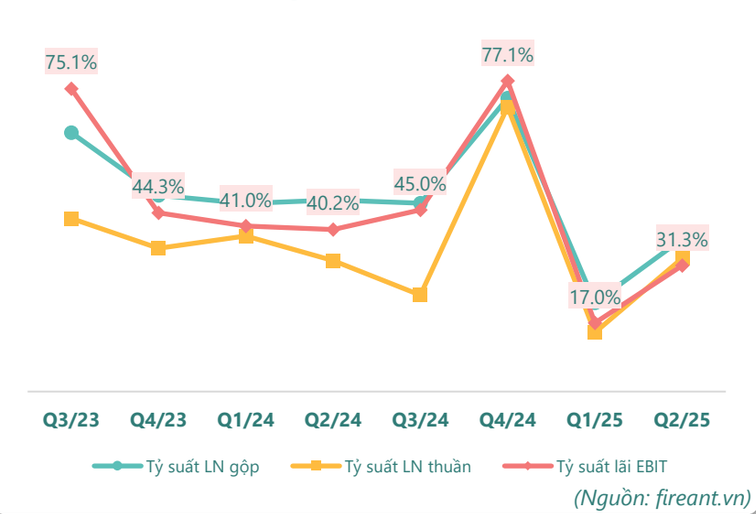
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



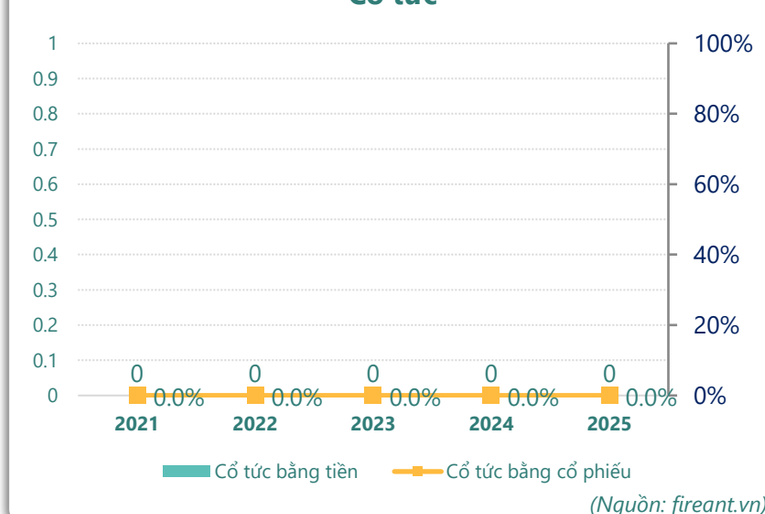
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

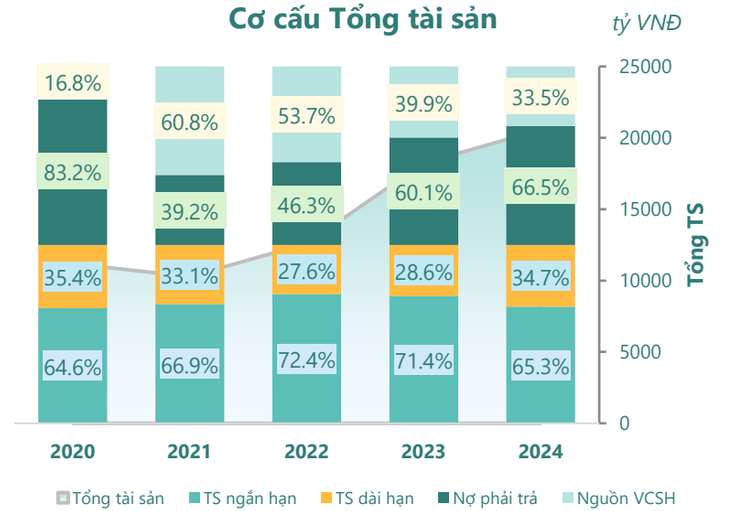
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

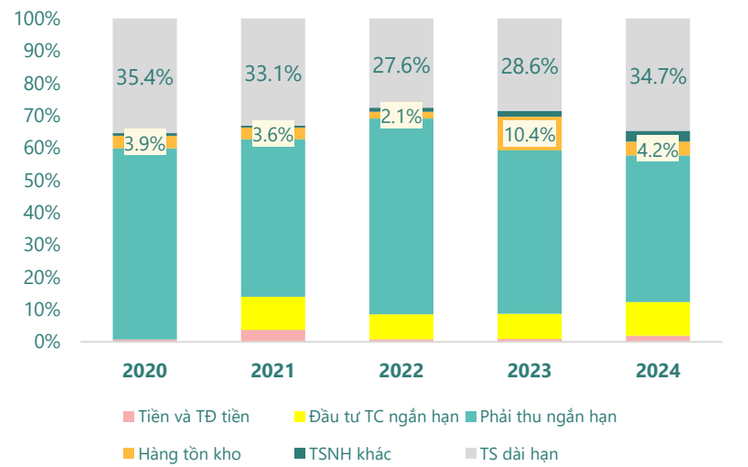
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



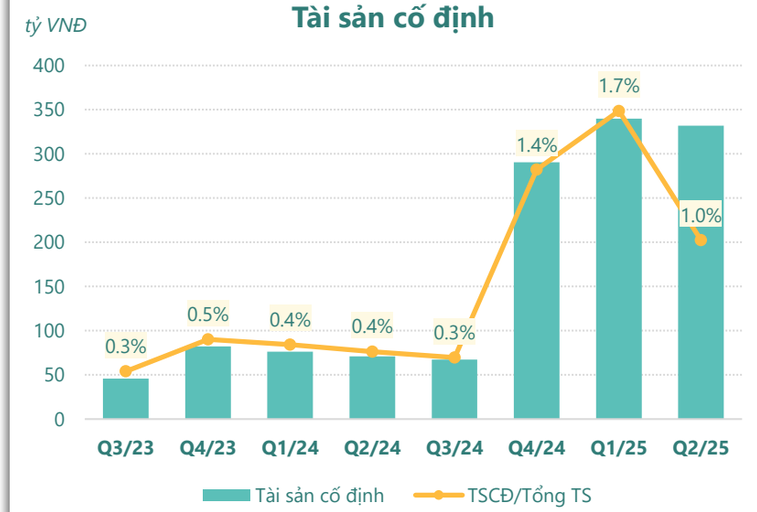
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



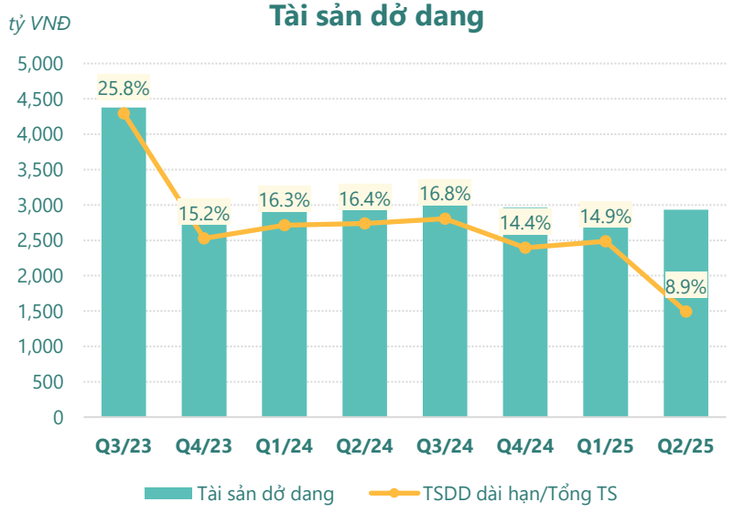
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



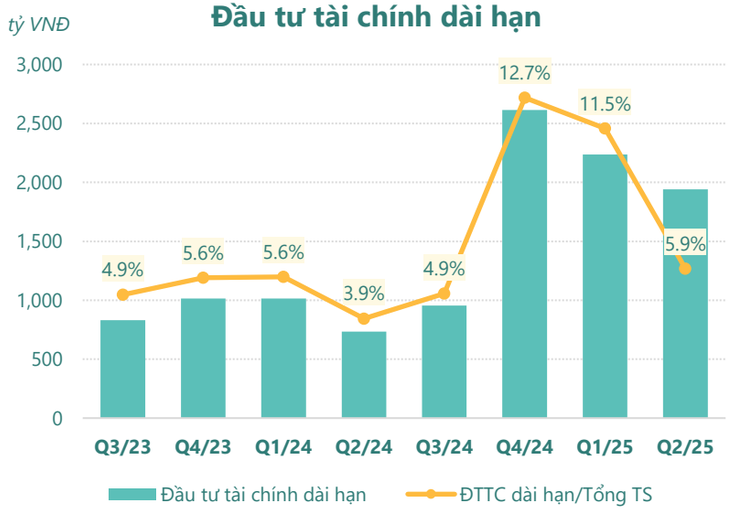
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



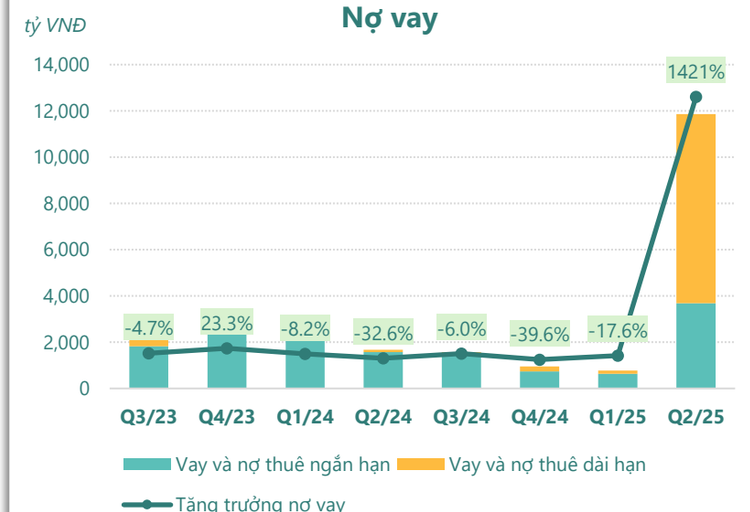
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

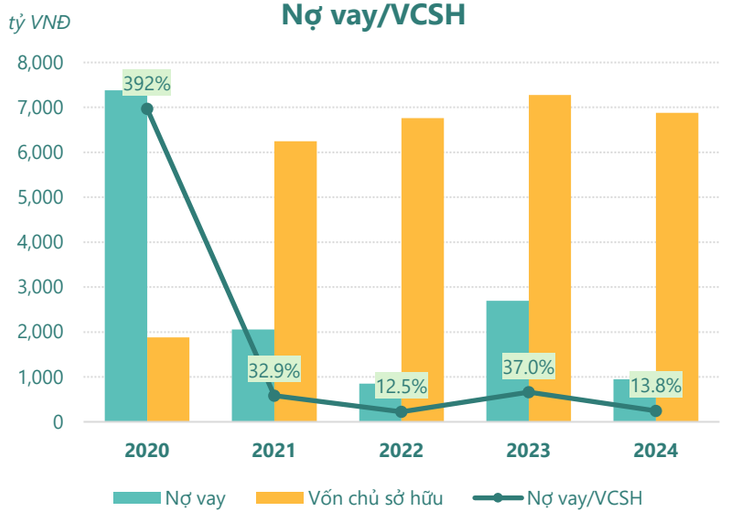
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

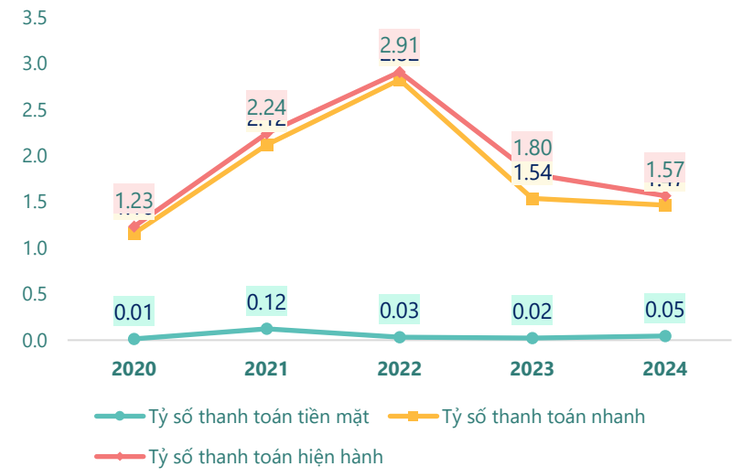
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



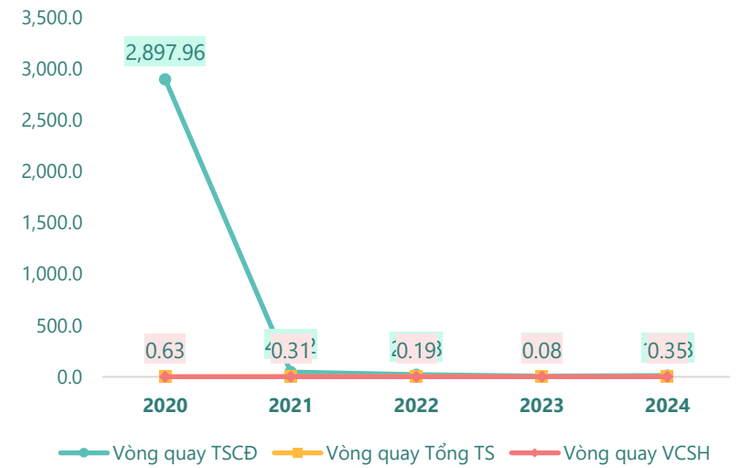
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



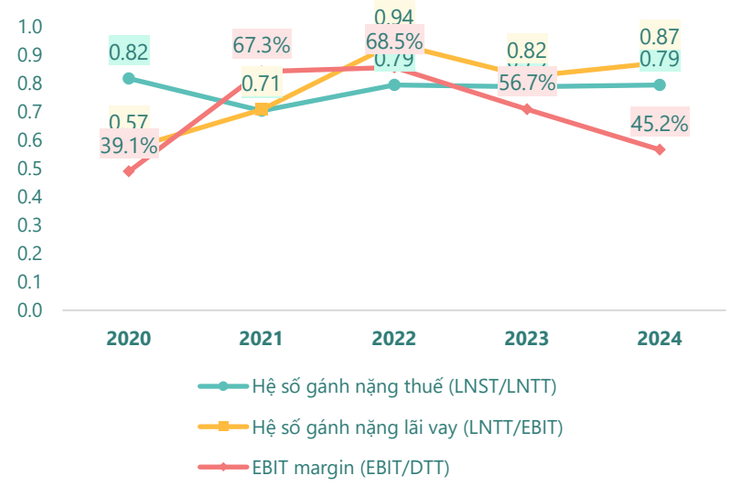
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



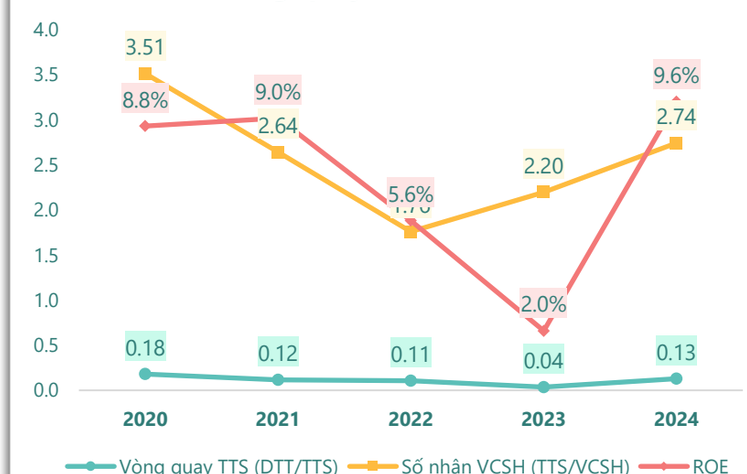
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



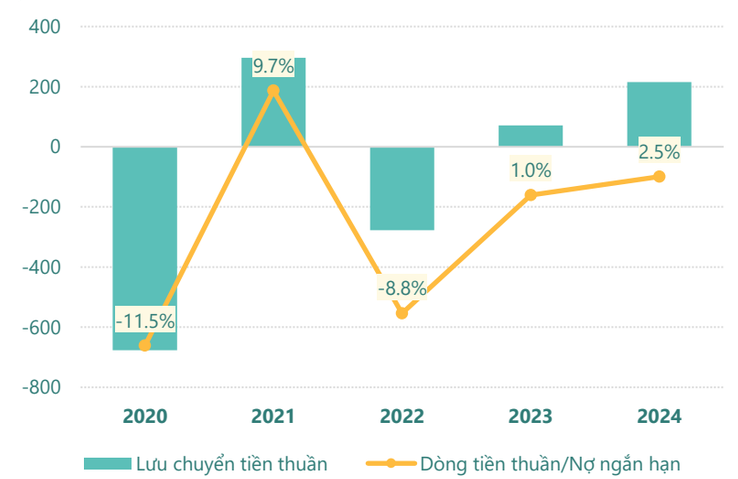
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**235**	**777**	**-69.8%**	**649**	**2,009**	**-67.7%**
Giá vốn hàng bán	146	408	-64.2%	469	1,066	-56.0%
Lợi nhuận gộp	88.9	369	-75.9%	180	944	-80.9%
Doanh thu HĐTC	127	178	-28.8%	264	348	-24.2%
Chi phí TC	73.9	188	-60.7%	193	351	-45.0%
Chi phí lãi vay	10.2	58.0	-82.4%	22.4	88.8	-74.8%
LN trong công ty LKLD	**-2.36**	**0.00**		**-2.23**	**0**	
Chi phí bán hàng	16.4	60.4	-72.9%	23.4	133	-82.4%
Chi phí QLDN	**45.3**	**45.9**	**-1.4%**	**87.0**	**79.8**	**9.0%**
LN thuần từ HĐKD	77.7	253	-69.3%	138	728	-81.0%
Lợi nhuận khác	**-14.4**	**1.61**	**-996%**	**-16.8**	**0.74**	**-2362%**
LN trước thuế	63.3	254	-75.1%	122	729	-83.3%
Lợi nhuận sau thuế	**41.0**	**199**	**-79.4%**	**82.9**	**581**	**-85.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**36.7**	**178**	**-79.4%**	**68.4**	**512**	**-86.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,635	-671	-728	4,145	-755	-963
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1,414	1,555	688	-3,149	793	358
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-222	-807	-100	-718	-167	545
Tiền đầu kỳ	171	171	248	108	386	257
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.52**	**77.3**	**-140**	**278**	**-129**	**-59.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	171	248	108	386	257	197

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**32,805**	**20,558**	**59.6%**
Tài sản ngắn hạn	26,118	13,425	94.5%
Tiền và tương đương tiền	197	386	-49.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,945	2,153	-9.7%
Phải thu ngắn hạn	22,067	9,323	137%
Hàng tồn kho	883	866	2.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1,026	697	47.1%
Tài sản dài hạn	**6,688**	**7,133**	**-6.2%**
Phải thu dài hạn	1,068	1,059	0.8%
Tài sản cố định	332	348	-4.7%
Bất động sản đầu tư	407	412	-1.3%
Tài sản dở dang	2,934	2,874	2.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,942	2,431	-20.1%
Tài sản dài hạn khác	**5.03**	**7.98**	**-36.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	26,634	13,679	94.7%
Nợ ngắn hạn	**14,259**	**8,571**	**66.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,685	737	400%
Phải trả người bán ngắn hạn	499	451	10.7%
Nợ dài hạn	12,374	5,108	142%
Vay và nợ thuê dài hạn	8,175	209	3809%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,172**	**6,879**	**-10.3%**
Vốn chủ sở hữu	**6,172**	**6,879**	**-10.3%**
Vốn điều lệ	3,000	3,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)